TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HSST
Ngày: 08-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thu Vân

2. Ông Nguyễn Tùng Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2018/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

- *Họ và tên bị cáo*: Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện Vung, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở nhất định (sống lang thang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 1/12; bị cáo có cha tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1949 và mẹ tên Phan Thị M, sinh năm 1947; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2018 và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*:

1. Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1996, nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1993, nơi cư trú: số 97, ấp Phú, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 22/4/2018 bị cáo T đi bộ trên vĩa hè đường H, phường M, thành phố V để ra trạm xe buýt đón xe về thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 64B1-716.58 của anh Nguyễn Tấn V đậu trên vĩa hè, bị cáo T quan sát không thấy người trông coi nên nảy sinh ý định trộm chiếc xe trên. Bị cáo T ngồi uống cà phê cách chỗ đậu xe khoảng 40 mét để quan sát, khoảng 30 phút sau bị cáo T đến vị trí đậu xe 64B1-716.58 và dẫn xe đi về hướng bến xe buýt Vĩnh Long. Do xe không có chìa khóa nên bị cáo đến tiệm sửa xe gần bến xe kêu làm cho xe nổ máy với giá 20.000 đồng. sau đó bị cáo điều khiển xe đến tiệm của anh Trần Hữu H gần dốc cầu K, khóm 1, phường 2, thành phố S làm chìa khóa xe với giá 40.000 đồng. Do nghi ngờ nên anh H trình báo Công an thành phố S và bị cáo T bị bắt giữ cùng tang vật. Kết luật định giá số 64/HĐĐG&TTHS ngày 05/4/2018 kết luận xe mô tô biển số 64B1-716.58 trị giá 33.600.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 20/11/2017 bị cáo T đi bộ đến cửa hàng giày Bitis số 11 đường Đ, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thấy xe mô tô 66P1-195.86 của chị Lê Thị Thùy T đang đậu trước cửa hàng không người trông coi, xe không khóa cổ, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm chiếc xe này. Bị cáo T lén dẫn xe 66P1-195.86 đến tiệm của anh Trần Hữu H gần đốc cầu K, khóm 1, phường 2, thành phố S làm chìa khóa xe. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe về xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp dùng làm phương tiện đi lại. Đến tháng 4/2018 bị cáo bán xe mô tô biển số 66P1-195.86 được 3.000.000 đồng và bị cáo tiêu xài hết. Kết luận định giá tài sản số 14/HĐĐG&TTHS ngày 16/5/2018 kết luận xe mô tô biển số 66P1-195.86 trị giá 11.400.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai bán xe cho tiệm xe T do Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981, ngụ phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là người trực tiếp mua xe do bị cáo bán nhưng Cơ quan điều tra tiến hành đối chất T không thừa nhận đã mua xe mô tô biển số 66P1-195.86, không thu hồi được xe nên không đủ cơ sở xử lý Nguyễn Tấn T.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKS.TPVL ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai, không bị ai ép buộc và thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo T thống nhất với Kết luật định giá số 64/HĐĐG&TTHS ngày 05/4/2018 và Kết luận định giá tài sản số

14/HĐĐG&TTHS ngày 16/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản và tố tụng hình sự thành phố Vĩnh Long.

Bị hại chị Lê Thị Thùy T xác định xe mô tô 66P1-195.86 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị và có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị mất không thu hồi được theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm ngàn đồng). Chị T không yêu cầu gì về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị hại anh Nguyễn Tấn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại tài sản, về trách nhiệm hình sự yêu cầu cơ quan thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã khẳng định nội dung mà bản cáo trạng Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" là đủ căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và giữ nguyên việc truy tố.

Kiểm sát viên nhận định: Bị cáo Nguyễn Văn T là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo có sức khỏe có khả năng lao động nhưng chây lười lao động muốn nhanh chóng có tiền thỏa mãn nhu cầu bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của người khác, bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của bản thân là thể hiện sự xem thường pháp luật. Do do cần xử lý nghiêm đối với bị cáo cần cách ly bị cáo một thời gian đủ để giáo dục cho bị cáo nhận ra sai lầm sửa chữa và trở thành người tốt cho xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm đến hai năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho chị T giá trị chiếc xe là: 11.400.000 đồng. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo T không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Bị cáo T không nói lời nói sau cùng.

Bị hại T không tham gia tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo T: Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 22/4/2018 bị cáo T đi bộ trên vĩa hè đường V phường M, thành phố V để ra trạm xe buýt đón xe về thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 64B1-716.58 của anh Nguyễn Tấn V đậu trên vĩa hè, bị cáo T quan sát không thấy người trông coi nên nảy sinh ý định trộm chiếc xe trên. Bị cáo T ngồi uống cà phê cách chỗ đậu xe khoảng 40m để quan sát, khoảng 30 phút sau bị cáo T đến vị trí đậu xe 64B1-716.58 và dẫn xe đi về hướng bến xe buýt Vĩnh Long. Do xe không có chìa khóa nên bị cáo đến tiệm sửa xe gần bến xe kêu làm cho xe nổ máy với giá 20.000 đồng. Sau đó bị cáo điều khiển xe đến tiệm của anh Trần Hữu H gần dốc cầu K, khóm 1, phường 2, thành phố S làm chìa khóa xe với giá 40.000 đồng. Do nghi ngờ nên anh H trình báo Công an thành phố S và bị cáo T bị bắt giữ cùng tang vật. Kết luật định giá số 64/HĐĐG&TTHS ngày 05/4/2018 kết luận xe mô tô biển số 64B1-716.58 trị giá 33.600.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 20/11/2017 bị cáo T đi bộ đến cửa hàng giày Bitis số 11 đường Đ, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thấy xe mô tô 66P1-195.86 của chị Lê Thị Thùy T đang đậu trước cửa hàng không người trông coi, xe không khóa cổ nên bị cáo nảy sinh ý định trộm chiếc xe này. Bị cáo T lén dẫn xe 66P1-195.86 đến tiệm của anh Trần Hữu H gần đốc cầu K, khóm 1, phường 2, thành phố S làm chìa khóa xe. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe về xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp dùng làm phương tiện đi lại. Đến tháng 4/2018 bị cáo bán xe mô tô biển số 66P1-195.86 được 3.000.000 đồng và bị cáo tiêu xài hết. Kết luận định giá tài sản số 14/HĐĐG&TTHS ngày 16/5/2018 kết luận xe mô tô biển số 66P1-195.86 trị giá 11.400.000 đồng.

Từ những hành vi trên cho thấy bị cáo T là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Khi phát hiện tài sản không có người trông giữ, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên bị cáo phải chịu trách

nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hành vi phạm tội của bị cáo T thực hiện ngày 20/11/2017 đã chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 11.400.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Hành vi phạm tội của bị cáo T thực hiện ngày 22/4/2018 chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 33.600.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy: Do khung hình phạt của hai điều luật bằng nhau nên vận dụng quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đang có hiệu lực thi hành để xét xử hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo cũng nhận thức được hành vi mà mình gây ra là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo bị nghiện chất ma túy, muốn có tiền để mua ma túy sử dụng nên đã thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần thiết phải xử lý bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, cũng không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại Tòa, chị T có yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 66P1-195.86 bị mất theo giá trị do Hội đồng định giá kết luận là 11.400.000 đồng, xét thấy tài sản trên bị cáo chiếm đoạt của chị T và không thu hồi được do đó bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị T, xét giá trị bồi hoàn chị T và bị cáo đều thống nhất với giá trị theo kết luận của Hội đồng định giá nên Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị kết luận này làm cơ sở buộc bị cáo bồi thường cho chị T 11.400.000 đồng là phù hợp với Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về phía anh Nguyễn Tấn V vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy anh V đã nhận lại tài sản và

đều trình bày không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng (BL 76) và đã giao trả cho anh Nguyễn Tấn V chiếc xe màu đỏ theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 14/5/2018 (BL 77). Do vật chứng đã được xử lý xong trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn T được tính từ ngày 22/4/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Lê Thị Thùy T số tiền 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 570.000 đồng (Năm trăm bảy chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Lê Thị Thùy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Nguyễn Tấn V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Công an TPVL;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Bị cáo và Trại giam;
- Sở Tư pháp tỉnh VL;
- Viện Kiểm sát tỉnh VL;
- Lưu hồ sơ.